

Số: 63 CT-TCKT

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2026

V/v CBTT MEC ký Hợp đồng kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà
2. Mã chứng khoán: MEC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A38 Khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại: 024.3783.2398 Fax: 024.3783.2397
5. Người Công bố thông tin: Phạm Văn Hiến - Kế toán trưởng Công ty (Người được ủy quyền công bố thông tin).
6. Loại thông tin công bố: Bất thường 24h.
7. Nội dung của thông tin công bố:

Thực hiện công bố thông tin về hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 theo quy định tại điểm g, điều 11, thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Công ty cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà trân trọng thông báo về việc lựa chọn, ký kết hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 với Công ty kiểm toán độc lập sau đây:

- Tên công ty kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội. Địa chỉ: Số 40 Giảng Võ, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội. Điện thoại: (024) 37 367 879 Fax: (024) 37 367 679

- Ngày ký hợp đồng: 9/7/2026

- Số hợp đồng: HDKT.2.2607.028-KT

8. Địa chỉ Website đăng tải thông tin công bố: www.someco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC; TCKT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Văn Hiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: HDKT. 2.2607.028-KT

TP. Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2026

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT

V/v: Soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026; Kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;
- Căn cứ Điều 3 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập và Nghị định số 90/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán ban hành theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện ban hành theo Thông tư số 65/2015/TT-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 600 về Lưu ý khi kiểm toán Báo cáo tài chính tập đoàn (kể cả công việc của kiểm toán viên đơn vị thành viên) ban hành theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính;
- Theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện là : Ông LÊ VĂN TÁM
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Lô A38 Khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : (024) 37 832 398
Fax : (024) 37 832 397
Tài khoản : 1024524493 tại Ngân hàng SHB PGD Nguyễn Huệ, CN Thăng Long, TP Hà Nội
Mã số thuế : 5400240573

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C - CHI NHÁNH HÀ NỘI

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Đại diện là : Ông NGUYỄN HOÀNG ĐỨC
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : 40 Giảng Võ, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : (024) 37 367 879
Fax : (024) 37 367 869
Tài khoản : 1230 382 925 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quang Trung
Mã số thuế : 0300449815 – 002

Sau khi bàn bạc và thương lượng, hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng gồm các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026. Mục đích của cuộc soát xét là để Bên B đưa ra kết luận về việc liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến cho Bên B cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Bên A không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Bên A tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Bên A trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Bên B sẽ được thực hiện theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp/hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2026; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp/hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp/hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Mục đích của cuộc kiểm toán là để Bên B có được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất của Bên A trên phương diện tổng thể có các sai sót trọng yếu do nhầm lẫn hay do gian lận hay không, và đưa ra ý kiến kiểm toán về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất của Bên A có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Bên A tại ngày 31 tháng 12 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Bên B sẽ được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- Để thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Bên A, Bên B sẽ tiến hành công việc soát xét Báo cáo tài chính của 02 Công ty con bao gồm: Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco và Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của Bên A

Đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Cuộc soát xét/kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và những người chịu trách nhiệm về quản trị doanh nghiệp (trong phạm vi phù hợp) (sau đây gọi tắt là “Ban quản trị”) của Bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị (trong phạm vi phù hợp) xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Đảm bảo các sổ kế toán và chứng từ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Bên A, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng;
- Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị (trong phạm vi phù hợp) cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc soát xét/kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng soát xét/kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét/kiểm toán.

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Bên A có trách nhiệm:

- Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng;
- Xây dựng và duy trì các kiểm soát nội bộ được áp dụng cho cả tập đoàn mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị (trong phạm vi phù hợp) xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm: thông tin tài chính hoặc báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên được hợp nhất, chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên Bên B yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị (trong phạm vi phù hợp) cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc soát xét/kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của đơn vị được kiểm toán mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng soát xét/kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét/kiểm toán.
- Đảm bảo cung cấp cho Bên B danh sách kiểm toán viên các đơn vị thành viên và hỗ trợ việc trao đổi thông tin giữa nhóm kiểm toán tập đoàn và các kiểm toán viên đơn vị thành viên;
- Đảm bảo các thông tin trao đổi quan trọng giữa các kiểm toán viên đơn vị thành viên, Ban quản trị và Ban Giám đốc đơn vị thành viên, kể cả thông tin trao đổi về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ, cũng phải được trao đổi với nhóm kiểm toán tập đoàn;

- Đảm bảo các thông tin trao đổi quan trọng giữa các cơ quan quản lý và các đơn vị thành viên liên quan đến các vấn đề về lập và trình bày Báo cáo tài chính phải được trao đổi với nhóm kiểm toán tập đoàn;
- Đảm bảo cho nhóm kiểm toán tập đoàn được phép:
 - Tiếp cận thông tin của đơn vị thành viên, tiếp cận với Ban quản trị đơn vị thành viên, Ban Giám đốc đơn vị thành viên và các kiểm toán viên đơn vị thành viên (bao gồm các tài liệu, hồ sơ soát xét/kiểm toán có liên quan mà nhóm kiểm toán tập đoàn yêu cầu);
 - Trực tiếp thực hiện hoặc yêu cầu kiểm toán viên đơn vị thành viên thực hiện soát xét/kiểm toán thông tin tài chính hoặc Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên.

Việc Ban Tổng Giám đốc của Bên A không thể cung cấp cho Bên B các thông tin được đề cập như trên hoặc quyền trao đổi với nhân viên của Bên A có thể gây chậm hoàn thành công việc và phát hành báo cáo của Bên B, và/hoặc thay đổi phạm vi các thủ tục soát xét/kiểm toán, hoặc thậm chí dẫn tới việc Bên B chấm dứt cung cấp dịch vụ.

Các trách nhiệm khác

Ngoài các trách nhiệm nêu trên, Bên A còn có các trách nhiệm khác như sau:

- Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị (trong phạm vi phù hợp) của Bên A có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét và quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót và tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính do Bên B tổng hợp trong quá trình soát xét/kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính;
- Bố trí địa điểm làm việc và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B để thực hiện các nội dung đã ghi trong Hợp đồng;
- Có ý kiến phản hồi về bản dự thảo Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ khi Bên B gửi bản dự thảo cho Bên A;
- Thanh toán cho Bên B phí dịch vụ đúng thời hạn đã thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng này.

Trách nhiệm của Bên B

Đối với dịch vụ soát xét

- Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã không được lập và trình bày trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính, kế toán và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét Báo cáo tài chính về cơ bản hẹp hơn phạm vi một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

- Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được;
- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch soát xét và kết quả soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét;
- Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A.

Đối với dịch vụ kiểm toán

- Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các Chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính và hợp nhất, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính và hợp nhất do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể của Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch kiểm toán và kết quả kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán;
- Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO PHÁT HÀNH

Sau khi kết thúc cuộc soát xét/kiểm toán (là thời điểm Bên A đồng ý dự thảo Báo cáo soát xét/kiểm toán hoặc tại thời điểm hết thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi Bên B gửi dự thảo Báo cáo soát xét/kiểm toán mà Bên A không có ý kiến phản hồi thì dịch vụ do Bên B thực hiện tại Điều 1 được coi như hoàn thành), Bên B sẽ phát hành và cung cấp cho Bên A các báo cáo sau:

- Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét:

	Bên A	Bên B
Tiếng Việt:	06 bộ	01 bộ

- Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét:

	Bên A	Bên B
Tiếng Việt:	06 bộ	01 bộ

- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán:

	Bên A	Bên B
-Tiếng Việt:	06 bộ	01 bộ
-Tiếng Anh:	04 bộ	01 bộ

- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:

	Bên A	Bên B
-Tiếng Việt:	06 bộ	01 bộ
-Tiếng Anh:	04 bộ	01 bộ

- Thư quản lý (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A bằng tiếng Việt:

Bên A: 01 bộ

Bên B: 01 bộ

Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản. Báo cáo soát xét gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan. Báo cáo kiểm toán gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các Chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Nếu Bên A có nhu cầu tăng thêm về số lượng báo cáo, Bên B sẽ thông báo cho Bên A chi phí in ấn thực tế phát sinh để Bên A thanh toán bổ sung.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo soát xét hoặc Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được soát xét/kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Bên A sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Việc nộp các báo cáo này cho các cơ quan chức năng thuộc trách nhiệm của Bên A.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

Phí dịch vụ soát xét/kiểm toán

Phí dịch vụ soát xét/kiểm toán nêu tại Điều 1: 180.000.000 đồng
(*Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn./*)

Mức phí dịch vụ nêu trên **chưa** bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều khoản thanh toán

- Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên A thanh toán đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng cho Bên B 50% phí dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng 10 ngày sau khi ký hợp đồng.
- Ngay sau khi bên A đồng ý bản Dự thảo Báo cáo kiểm toán hoặc hết thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi bên B gửi Dự thảo Báo cáo kiểm toán mà bên A không có ý kiến phản hồi, bên A sẽ thanh toán cho bên B 50% phí dịch vụ còn lại (đã bao gồm thuế GTGT, sau khi đã trừ khoản đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng). Bên B sẽ giao Báo cáo kiểm toán chính thức cho Bên A sau khi nhận đầy đủ phí dịch vụ.
- Bên B sẽ phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên A phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề cần thay đổi, bổ sung hai bên cần kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng tìm phương án giải quyết.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương thảo hoặc theo Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

Không một bên nào bị xem vi phạm hợp đồng đã ký kết hoặc phát sinh nghĩa vụ với bên kia nếu một bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do hậu quả phát sinh từ các sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp một bên bị ảnh hưởng bởi các sự kiện này, bên đó phải có trách nhiệm thông báo cho bên còn lại trong thời gian sớm nhất có thể thực hiện được một cách hợp lý nhằm giúp bên được thông báo có thể lựa chọn tạm hoãn hoặc hủy bỏ hợp đồng bằng cách ra thông báo với hiệu lực ngay lập tức.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng bao gồm 08 trang và được lập thành 04 bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện Bên A

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY
SÔNG ĐÀ**

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

Đại diện Bên B

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức